

Mẫu số: 04 TP/HT-NN
Form No:04 TP/HT-NN
Formulaire: 04 TP/HT-NN

BẢN CAM KẾT
Về việc thông báo định kỳ
về tình trạng phát triển của con nuôi
(Dùng cho người nước ngoài xin nhận trẻ em Việt nam làm con nuôi,
bản hành kèm theo quyết định số 571/QĐHT ngày 04 tháng 8 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

COMMITMENT
of periodical report
on the situation of the adopted child's development.
(For the Vietnamese child adoption required by a foreigner,
promulgated with the Decision N° 571/QĐHT on 04 August 1995 of Minister of Justice)

ENGAGEMENT
sur la communication périodique
de l'état de développement de l'enfant adoptif.
(Pour l'adoption d'un enfant vietnamien requise par un étranger,
promulgué en application de la Décision N° 571/QĐHT le 04 Août 1995 du Ministre de la Justice)

Tôi (chúng tôi) là/ I am (we are)/ Je suis (Nous sommes):	Chồng/Husband/Epoux	Vợ/Wife/Epouse
1. Họ và tên/ Full name/ Nom et prénom: (Viết in hoa/ in block letters/ en majuscule)		
2. Ngày tháng năm sinh/ Date of birth/ Date de naissance:		
3. Quốc tịch/ Citizenship/ Nationalité:		
4. Số hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ khác: Number of passport/ other official papers: Numéro de passeport/ autre pièce officielle:		
5. Địa chỉ thường trú: Permanent residence: Résidence permanente:		

Nếu được nhận trẻ em Việt nam làm con nuôi, tôi (chúng tôi) xin cam kết nghiêm chỉnh thực hiện những điều dưới đây:

If I (we) have permission to adopt a Vietnamese child, I (we) hereby make a solemn commitment as follows:

Si l'adoption d'un enfant vietnamien m' (nous) est autorisée, j'observerai (Nous observerons) strictement les engagements suivants:

1- Hằng năm, trước ngày 30 tháng 9, sẽ gửi cho Bộ Tư pháp nước CHXHCN Việt nam và Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố.....
hoặc cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự của Việt nam tại

BẢN CAM KẾT
Về việc thông báo định kỳ
về tình trạng phát triển của con nuôi

*(Dùng cho người nước ngoài xin nhận trẻ em Việt nam làm con nuôi,
ban hành kèm theo quyết định số 571/QĐHT ngày 04 tháng 8 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

COMMITMENT
of periodical report
on the situation of the adopted child's development.

*(For the Vietnamese child adoption required by a foreigner,
promulgated with the Decision N° 571/QĐHT on 04 August 1995 of Minister of Justice)*

ENGAGEMENT
sur la communication périodique
de l'état de développement de l'enfant adoptif.

*(Pour l'adoption d'un enfant vietnamien requise par un étranger,
promulgué en application de la Décision N° 571/QĐHT le 04 Août 1995 du Ministre de la Justice)*

Tôi (chúng tôi) là/ I am (we are)/ Je suis (Nous sommes):	Chồng/Husband/Epoux	Vợ/Wife/Epouse
1. Họ và tên/ Full name/ Nom et prénom: (Viết in hoa/ in block letters/ en majuscule)		
2. Ngày tháng năm sinh/ Date of birth/ Date de naissance:		
3. Quốc tịch/ Citizenship/ Nationalité:		
4. Số hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ khác: Number of passport/ other official papers: Numéro de passeport/ autre pièce officielle:		
5. Địa chỉ thường trú: Permanent residence: Résidence permanente:		

Nếu được nhận trẻ em Việt nam làm con nuôi, tôi (chúng tôi) xin cam kết nghiêm chỉnh thực hiện những điều dưới đây:

If I (we) have permission to adopt a Vietnamese child, I (we) hereby make a solemn commitment as follows:

Si l'adoption d'un enfant vietnamien m' (nous) est autorisée, j'observerai (Nous observerons) strictement les engagements suivants:

1- Hằng năm, trước ngày 30 tháng 9, sẽ gửi cho Bộ Tư pháp nước CHXHCN Việt nam và Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố.....
hoặc cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự của Việt nam tại

mỗi cơ quan một bản thông báo (có kèm theo ảnh) về tình trạng phát triển mọi mặt của con nuôi, có sự chứng nhận của Cơ quan có thẩm quyền nơi con nuôi của tôi (chúng tôi) sẽ thường trú.

- Every year, before the 30th of September, send to the Ministry of Justice of S.R. Vietnam and the People's Committee of province/city of.....
or Diplomatic Agency, Consulate of Vietnam in

a copy of periodical report, one for each, (attached photos) on all-around development of our adopted child, with the verification of the competent authority where will domicile our adopted child.

- Communiquer annuellement, avant le 30 Septembre, au Ministère de la Justice de la République Socialiste du Vietnam et au Comité Populaire de province/ ville
ou à l'organe diplomatique, consulaire du Vietnam à une
note de renseignements, à chacun un exemplaire, (Photo jointe) sur l'état du développement de l'enfant adoptif sur tous les plans certifiée par l'Autorité compétente du pays de résidence permanente de mon (notre) enfant adoptif.

2- Việc gửi thông báo nói trên sẽ được duy trì đều đặn cho tới khi con nuôi của tôi (chúng tôi) đủ 18 tuổi mà không phụ thuộc vào tình trạng quốc tịch sau này của con nuôi.

- The notification of the above mentioned report shall be done regularly until my (our) adopted child attains the age of 18 years and independently from his (her) ulterior citizenship status.

- La communication de la note de renseignements sera faite régulièrement jusqu' à ce que mon (notre) enfant adoptif aura 18 ans révolus nonobstant sa nationalité ultérieure.

3- Trong trường hợp tôi (chúng tôi) không thực hiện đúng những điều cam kết trên đây, thì tôi (chúng tôi) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt nam và pháp luật của nước chúng tôi.

- In the case that I (we) don't respect this commitment, I (we) shall be responsible to the Vietnamese laws as well as our country's law.

- Au cas où je ne respecte pas (nous ne respectons pas) les engagements ci-dessus j'engagerai (nous engagerons) la responsabilité devant la loi du Vietnam et la loi de notre pays.

Làm tại....., ngày.....tháng.....năm.....
Done at....., on.....
Fait à....., le.....
(Ký tên/Signature/ Signature)

Người xin nhận con nuôi
Adopter/ Adoptant

Người xin nhận con nuôi
Adopter/ Adoptant

Mẫu số: 03 TP/HT-NN

Form No: 03TP/HT-NN

Formulaire No: 03 TP/HT-NN

Ảnh của người xin nhận con nuôi (4x6) Photo of adopter (4 x 6) Photo de l'adoptant (4 x 6)	Ảnh của người xin nhận con nuôi (4x6) Photo of adopter (4 x 6) Photo de l'adoptant (4 x 6)
--	--

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

REPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIETNAM
Indépendance - Liberté - Bonheur

Ảnh của trẻ em
được xin nhận làm
con nuôi (4x6)
Photo of child for
adoption
(4 x 6)
Photo de l'enfant
à adopter

ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI

(Dùng cho việc người nước ngoài xin nhận trẻ em Việt nam làm con nuôi,
ban hành kèm theo Quyết định số 571/QĐHT ngày 04 tháng 8 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

APPLICATION FOR ADOPTION

(for the Vietnamese child adoption required by foreigners,
promulgated with Decision N° 571/QĐHT on 04 August 1995 of Minister of Justice)

DEMANDE D'ADOPTION

(pour l'adoption d'un enfant vietnamien requise par des étrangers,
promulguée en application de la Décision N° 571/QĐHT le 04 Août 1995 du Ministre de la Justice)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố:.....

(hoặc) Cơ quan đại diện ngoại giao /Lãnh sự nước CHXHCN
Việt nam tại.....

To : The People's Committee of province/city.....

(or) Vietnamese Diplomatic Agency/Consulate in.....

Au : Comité Populaire de province/ville:.....

(ou) A l'Organe Diplomatique/Consulaire de la R.S.Vietnam à

Tôi (Chúng tôi) là: I am (We are): Je suis (Nous sommes):	Chồng Husband Epoux	Vợ Wife Epouse
1. Họ và tên khai sinh: Full name of birth: Nom et prénom de naissance: (Viết in hoa/ in block letters/en majuscule) Họ và tên thường dùng: Full name in use: Nom et prénom usuels: (Viết in hoa/ in block letters/en majuscule)		
2. Ngày tháng năm sinh: Date of birth: Date de naissance:		
3. Nơi sinh: Place of birth: Lieu de naissance:		
4. Nơi thường trú: Permanent residence: Résidence permanente:		
5. Quốc tịch: Citizenship: Nationalité:		

6. Dân tộc: Nationality: Ethnie:		
7. Nghề nghiệp hiện nay: Current occupation: Profession actuelle:		
8. Số hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ khác: Number of Passport/other official papers: Numéro de Passeport/autre pièce officielle Ngày cấp/Date of issue/Date de délivrance: Nơi cấp/Place of issue/Lieu de délivrance:		
9. Địa chỉ liên hệ: Address for correspondence: Adresse pour la correspondance:		

Tôi (chúng tôi) mong muốn được nhận đứa trẻ dưới đây làm con nuôi:

I (we) wish to adopt the child as follows:

Je souhaite (nous souhaitons) adopter l'enfant ci-après désigné:

*** Họ và tên khai sinh (viết in hoa):**

Full name of birth (*in block letters*):

Nom et prénom de naissance (*en majuscule*):

Họ và tên thường dùng (viết in hoa):

Full name in use (*in block letters*):

Nom et prénom usuels (*en majuscule*):

Ngày tháng năm sinh:

Date of birth:

Date de naissance:

Nơi sinh:

Place of birth:

Lieu de naissance:

Giới tính/ sex/ sexe:

Nơi thường trú:

Permanent residence:

Résidence permanente:

Quốc tịch:

Citizenship:

Nationalité:

Dân tộc:

Nationality:

Ethnie:

Tình trạng sức khỏe/Tình trạng tàn tật:

Health status/ Disability status:

Etat de santé/ Etat d'invalidité:

*** Họ và tên của cha, mẹ/ người đỡ đầu/ người trực tiếp nuôi dưỡng của trẻ em nói trên:**

Full name of child's father, mother/ tutor/ or direct caretaker:

Nom et prénom du père, de la mère/ du tuteur/ de la personne chargée de la garde de l'enfant:

Nơi thường trú:
Permanent residence:
Résidence permanente:

Lý do xin nhận con nuôi:
Motives of adoption:
Motifs de l'adoption:

Vậy, đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh/thành phố.....
(hoặc cơ quan đại diện Ngoại giao, Lãnh sự nước CHXHCN Việt nam tại)
.....) xem xét giải quyết./.

We would like to petition the People's Committee of province/of city
(or Diplomatic Agency/Consulate of S.R. Vietnam in)
to examine and approve our adoption.

Par conséquent, nous sollicitons le Comité Populaire de province/de ville
(ou l'organe diplomatique/consulaire de la R.S.V.N à)
de bien vouloir examiner et répondre à ma (notre) requête..

Làm tại....., ngày tháng năm 19

Done at....., this..... day of..... 19

Fait à....., le

Ký tên/Signatures/Signatures

Người xin nhận con nuôi/Adopter/Adoptant Người xin nhận con nuôi/Adopter/Adoptant

* Giấy tờ kèm theo:

Enclosed papers:

Pièces jointes:

Ý kiến của vợ hoặc chồng của người xin nhận con nuôi
(nếu vợ hoặc chồng không đứng tên xin nhận con nuôi)

Opinion of applicant's spouse (if the spouse is not applicant)

Avis de l'époux (se) du demandeur (si l'époux (se) n'est pas co-demandeur)